



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Vi sinh vật**
Medical Laboratory: **Department of Microbiology**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Trung ương Quân đội 108**
Organization: **108 Military Central Hospital**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**
Field of medical testing: **Microbiology**
Người phụ trách/ Representative: **Bùi Tiến Sỹ**
Bui Tien Sy
Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189: 2022**
Số hiệu/ Code: **VILAS Med 124**
Hiệu lực/ Validation: **Từ ngày / /2026 đến ngày / /2031**
Địa chỉ/ Address : **Số 1 Trần Hưng Đạo, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**
No.1 Tran Hung Dao Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City
Địa điểm/Location : **Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108,**
Số 1 Trần Hưng Đạo, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
4th Floor, Center tower 108 Military Central Hospital, No.1 Tran Hung Dao Street,
Hai Ba Trung Ward, Hanoi City.
Điện thoại/ Tel: **0246.278.4174**
Email: **visinhbv108@gmail.com/sybt.bv108@gmail.com**
Website: **www.benhvien108.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 124

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh

Discipline of medical testing: Microbiology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu <i>Blood</i>	Cấy máu <i>Blood culture</i>	Nuôi cấy - Định danh - Kháng sinh đồ <i>Culture – Identification - Antibiotic susceptibility</i>	QTKT.03.VSV (2025) QTKT.14.VSV (2025) (FX BACTEC TOP, VITEK 2 Compact)
2.	Nước tiểu <i>Urine</i>	Cấy nước tiểu <i>Urine culture</i>	-Nuôi cấy <i>Quantitation culture</i> -Định danh vi khuẩn hệ thống tự động <i>Automated identification of aerobic bacteria</i> -Kháng thuốc hệ thống tự động <i>Antibiotic susceptibility by automated system</i>	QTKT.06.VSV (2025) QTKT.14.VSV (2025) (VITEK 2 Compact)
3.	Dịch vết thương <i>Wound</i>	Cấy dịch vết thương <i>Wound culture</i>	-Nuôi cấy <i>Quantitation culture</i> -Định danh vi khuẩn hệ thống tự động <i>Automated identification of aerobic bacteria</i> -Kháng thuốc hệ thống tự động <i>Antibiotic susceptibility by automated system</i>	QTKT.11.VSV (2025) QTKT.14.VSV (2025) (VITEK 2 Compact)
4.	Khuẩn lạc vi khuẩn phân lập từ máu, nước tiểu, đờm, dịch vết thương <i>Fungal colony isolated from blood, urine, sputum, wound</i>	Định danh vi khuẩn hệ thống tự động <i>Vitek MS Fungal identification by automated system Vitek MS</i>	Kỹ thuật Maldi ToF <i>Matrix Assisted Laser Desorption/Ionization Time-Of-Flight Mass Spectrometry</i>	QTKT.16.VSV (2025) (VITEK MS)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 124

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
5.	Khuẩn lạc vi nấm phân lập từ máu, nước tiểu, đờm, dịch vết thương <i>Fungal colony isolated from blood, urine, sputum, wound</i>	Định danh vi nấm hệ thống tự động Vitek MS <i>Fungal identification by automated system Vitek MS</i>	Kỹ thuật Maldi Tof <i>Matrix Assisted Laser Desorption/Ionization Time-Of-Flight Mass</i>	QTKT.17.VSV (2025) (Maldi Tof) (VITEK MS)
6.	Đờm <i>Sputum</i>	Cấy đờm bán định lượng <i>Semi-quantitative Sputum culture</i>	Nuôi cấy <i>Culture</i>	QTKT.08.VSV (2025)
7.	Máu <i>Blood</i>	Cấy máu trên hệ thống <i>Blood culture</i>	Nuôi cấy <i>Culture</i>	QTKT.04.VSV (2025) (BACTEC Alert 3D 60)
8.	Khuẩn lạc vi khuẩn phân lập từ máu, nước tiểu, đờm, dịch vết thương <i>Bacterial colony isolated from blood, urine, sputum, wound</i>	Định danh trên hệ thống tự động và kháng sinh đồ vi khuẩn trên hệ thống tự động Vitek-2 compact. <i>Bacterial identification and antibiotic susceptibility testing on the automated system</i>	Định danh vi khuẩn hệ thống tự động Vitek-2 compact Vitek-2 compact. <i>Automated identification of aerobic bacteria</i> Kháng thuốc hệ thống tự động Vitek-2 compact. <i>Antibiotic susceptibility testing by the automated system</i>	QTKT.14.VSV (2025) (VITEK 2 Compact)
9.	Huyết tương <i>Plasma (EDTA)</i>	Xét nghiệm định tính HBsAg <i>Qualitative of Hepatitis B Surface Antigen-HBsAg</i>	Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTKT.41.VSV (2025) (Architect i2000SR)
10.		Xét nghiệm định tính Anti-HCV <i>Qualitative of Antibodies to Hepatitis C virus</i>		QTKT.48.VSV (2025) (Architect i2000SR)
11.	Khuẩn lạc vi khuẩn phân lập từ máu, nước tiểu, đờm, dịch vết thương <i>Bacterial colony isolated from blood, urine, sputum, wound</i>	Kháng sinh đồ vi khuẩn trên hệ thống tự động BD Phoenix <i>Antibiotic susceptibility testing on the automated system BD Phoenix</i>	Kháng thuốc hệ thống tự động trên máy BD Phoenix <i>Antibiotic susceptibility testing by the automated system BD Phoenix</i>	QTKT.15.VSV (2025) (BD Phoenix)
12.	Đờm <i>Sputum</i>	AFB trực tiếp nhuộm ZIEHL – NEELSEN <i>ZIEHL – NEELSEN staining</i>	Nhuộm soi trực tiếp <i>Direct smear</i>	QTKT.30.VSV (2025) (Kính hiển vi quang học Olympus)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 124

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
13.	Khuẩn lạc vi khuẩn phân lập từ máu, nước tiểu, đờm, dịch vết thương <i>Bacterial colony isolated from blood, urine, sputum, wound</i>	Kháng sinh đồ vi khuẩn trên hệ thống tự động VITEK 2 <i>Antibiotic susceptibility testing on the automated system VITEK 2 (AST 415)</i>	Kháng thuốc hệ thống tự động trên máy VITEK 2 <i>Antibiotic susceptibility testing by the automated system VITEK 2 (AST 415)</i>	QTKT.14.VSV (2025) (VITEK 2 Compact)
14.		Kháng sinh đồ vi khuẩn trên hệ thống tự động VITEK 2 <i>Antibiotic susceptibility testing on the automated system VITEK 2 (AST 443)</i>	Kháng thuốc hệ thống tự động trên máy VITEK 2 <i>Antibiotic susceptibility testing by the automated system VITEK 2 (AST 443)</i>	QTKT.14.VSV (2025) (VITEK 2 Compact)

Ghi chú/ Note:

- QTKT...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Vi sinh vật cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Microbiology Reference Laboratory that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

